BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2024/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định phương pháp lập khung giá bán buôn điện

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp lập khung giá bán buôn điện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp lập khung giá bán buôn điện, giá bán buôn điện, hợp đồng mua buôn điện mẫu của Tổng công ty điện lực.

2. Thông tư này áp dụng đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các Tổng công ty Điện lực; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khung giá bán buôn điện* là khung giá bán điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho từng Tổng công ty Điện lực chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được xác định theo mức giá bán buôn điện bình quân tối thiểu (đồng/kWh) và mức giá bán buôn điện bình quân tối đa (đồng/kWh).

2. *Giá bán buôn điện* là giá bán điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho Tổng công ty Điện lực để bán lại cho khách hàng sử dụng điện.

3. *Sản lượng điện thương phẩm của Tổng công ty Điện lực* là sản lượng điện (bao gồm cả sản lượng điện thương phẩm bán điện tại khu vực chưa nối lưới điện quốc gia) mà Tổng công ty Điện lực bán cho khách hàng sử dụng điện và cho các đơn vị bán lẻ điện.

4. *Tổng công ty Điện lực* là các tổng công ty điện lực thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bao gồm Tổng công ty Điện lực Miền Bắc, Tổng công ty Điện lực Miền Nam, Tổng công ty Điện lực Miền Trung, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội và Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Năm N* là năm dương lịch tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm áp dụng khung giá và giá.

6. *Năm N-1* là năm dương lịch liền trước năm *N*.

7. *Năm N-2* là năm dương lịch liền trước năm *N-1*.

Chương II
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KHUNG GIÁ BÁN BUÔN ĐIỆN

Điều 3. Phương pháp xác định khung giá bán buôn điện

Mức giá bán buôn điện trong khung giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho Tổng công ty Điện lực năm *N* được xác định theo công thức sau:

$$g_{TCTDL\ i,k,N} = \frac{TDT_{i,k,N} - C_{\mathrm{PP}_{i,N}} - LN_{i,N} - MP_{i,N}^{ttđ} - MP_{i,N}^{hđ}}{A_{\mathrm{GN}_{i,N}} - A_{MP,i,N}^{ttđ} - A_{MP,i,N}^{hđ}}$$

Trong đó:

$g_{TCTĐLi,k,N}$ là mức giá bán buôn điện trong khung giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho Tổng công ty Điện lực *i* năm *N* (đồng/kWh);

$TDT_{i,k,N}$ là tổng doanh thu dự kiến của Tổng công ty Điện lực i năm *N* (đồng) được xác định căn cứ theo doanh thu bán điện và các doanh thu khác theo quy định (nếu có). Trong đó doanh thu bán điện được xác định theo:

- Sản lượng điện thương phẩm dự kiến xác định theo sản lượng điện sản xuất hàng năm theo hai phương án: phương án thấp với sản lượng điện sản xuất bằng 90% sản lượng theo phương án cơ sở, phương án cao với sản lượng điện sản xuất bằng 110% sản lượng theo phương án cơ sở; trong đó, sản lượng theo phương án cơ sở là sản lượng điện thương phẩm dự kiến của năm *N* tại thời điểm tính toán.

- Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm cho các nhóm đối tượng khách hàng.

- Giá bán lẻ điện hiện hành theo quy định của Bộ Công Thương.

$C_{Ppi,N}$ là tổng chi phí phân phối - bán lẻ điện của Tổng công ty Điện lực i trong năm *N* (đồng) được xác định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

$LN_{i,N}$ là lợi nhuận định mức của Tổng công ty Điện lực i trong năm *N* (đồng) được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

$MP_{i,N}^{ttđ}$: là chi phí mua điện dự kiến qua thị trường điện giao ngay và hợp đồng mua bán điện (của các nhà máy điện được phân bổ và các nhà máy điện ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với Tổng công ty Điện lực) năm *N* theo quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành (đồng);

$MP_{i,N}^{hđ}$ là chi phí mua điện dự kiến từ các nhà máy điện, đơn vị phát điện ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực i trong thời gian không tham gia thị trường điện cạnh tranh, chi phí mua điện từ điện mặt trời mái nhà của Tổng công ty Điện lực trong năm *N* theo hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật (đồng);

$A_{GNi,N}$ là điện năng thực nhận đầu nguồn dự kiến của Tổng công ty Điện lực i trong năm *N* (kWh);

$A_{MP,i,N}^{ttđ}$: là sản lượng điện năng dự kiến mua trực tiếp qua thị trường điện giao ngay từ các nhà máy điện được phân bổ và từ nhà máy điện ký trực tiếp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực i năm *N* theo quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành (kWh);

$A_{MP,i,N}^{hđ}$ là sản lượng điện năng dự kiến mua từ các nhà máy điện, đơn vị phát điện ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực i trong thời gian không tham

gia thị trường điện cạnh tranh, chi phí mua điện từ điện mặt trời mái nhà của Tổng công ty Điện lực mua trong năm *N* theo hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật (kWh);

Điều 4. Nguyên tắc xác định chi phí phân phối - bán lẻ điện

Chi phí phân phối - bán lẻ điện năm *N* của Tổng công ty Điện lực ($C_{PP_{i,N}}$) được xác định theo công thức sau:

$$C_{PP_{i,N}} = \sum(C_{VL,i,N} + C_{TL,i,N} + C_{KH,i,N} + C_{SCL,i,N} + C_{MN,i,N} + C_{BTK,i,N} + C_{TC,i,N} + C_{PTKH,i,N} + C_{CT,i,N} + C_{TXS,i,N} + GT)$$

Trong đó:

$C_{VLi,N}$ là tổng chi phí vật liệu năm *N* (đồng), được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành;

$C_{TLi,N}$ là tổng chi phí tiền lương năm *N* (đồng), bao gồm tổng chi phí tiền lương và các chi phí có tính chất lương như chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo các quy định của pháp luật có liên quan;

$C_{KHi,N}$ là tổng chi phí khấu hao tài sản cố định năm *N* (đồng), được xác định theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

$C_{SCLi,N}$ là tổng chi phí sửa chữa lớn năm *N* (đồng), được xác định trên cơ sở kế hoạch sửa chữa lớn căn cứ định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành;

$C_{MNi,N}$ là tổng chi phí dịch vụ mua ngoài năm *N* (đồng), bao gồm chi phí theo định mức và các khoản chi phí ngoài định mức. Chi phí theo định mức được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành. Chi phí ngoài định mức được xác định theo quy định hiện hành và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm *N*;

$C_{BTKi,N}$ là tổng chi phí bằng tiền khác năm *N* (đồng), bao gồm chi phí theo định mức và các khoản chi phí ngoài định mức. Chi phí theo định mức được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành. Chi phí ngoài định mức được xác định theo quy định hiện hành và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm *N*;

$C_{TCi,N}$ là tổng chi phí tài chính năm *N* (đồng), bao gồm: tổng chi phí lãi vay, trái phiếu, thuê tài chính và các khoản phí để vay vốn, phải trả trong năm *N*, được xác định theo các hợp đồng, các tài liệu có tính pháp lý, dự kiến các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm *N*; chênh lệch tỷ giá dự kiến năm *N* được xác định theo quy định tài chính kế toán;

$C_{PTKHi,N}$ là chi phí phát triển khách hàng, chăm sóc khách hàng và truyền thông năm *N* (đồng), được xác định căn cứ theo các định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành;

$C_{CTi,N}$ là chi phí công tơ năm *N* (đồng), được xác định theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành;

$C_{TSXi,N}$ là chi phí tự sản xuất năm *N* (đồng), bao gồm chi phí cấp điện và các chi phí liên quan đến phân phối, bán điện cho các huyện đảo, biên giới, miền núi, nông thôn chưa nối lưới điện Quốc gia cho các Tổng Công ty Điện lực (nếu có);

GT là các khoản giảm trừ giá thành bao gồm khoản thu từ cho thuê cột điện, thanh lý nhượng bán vật tư tài sản cố định (đồng).

Điều 5. Nguyên tắc xác định lợi nhuận định mức của Tổng công ty Điện lực

Lợi nhuận cho phép dự kiến năm *N* (LN_N) của Tổng công ty Điện lực i được xác định theo công thức sau:

$$LN_N = V_{CSH_N} \times ROE_N$$

Trong đó:

V_{CSH_N}: Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày 30 tháng 9 trường hợp chưa có số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12) năm *N-1* (đồng);

ROE_N: Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu năm *N* áp dụng cho Tổng công ty Điện lực thứ i (%), được xác định theo phương án giá bán lẻ điện năm *N* hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Phương pháp lập giá bán buôn điện

Giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho Tổng công ty Điện lực năm *N* được xác định theo công thức sau:

$$g_{TCTDL_{i,N}} = \frac{TDT_{i,N} - C_{\mathrm{PP}_{i,N}} - LN_{i,N} - MP_{i,N}^{ttđ} - MP_{i,N}^{hđ}}{A_{\mathrm{GN}_{i,N}} - A_{MP,i,N}^{ttđ} - A_{MP,i,N}^{hđ}}$$

Trong đó:

$g_{TCTĐLi,N}$ là giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho Tổng công ty Điện lực *i* năm *N* (đồng/kWh);

$TDT_{i,N}$ là tổng doanh thu dự kiến của Tổng công ty Điện lực i (đồng) được xác định căn cứ theo doanh thu bán điện và các doanh thu khác theo quy định (nếu có). Trong đó doanh thu bán điện được xác định theo:

- Sản lượng điện thương phẩm dự kiến xác định theo sản lượng điện sản xuất hàng năm theo phương án cơ sở; trong đó, sản lượng theo phương án cơ sở là sản lượng điện thương phẩm dự kiến của năm *N* tại thời điểm tính toán.

- Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm cho các nhóm đối tượng khách hàng.

- Giá bán lẻ điện hiện hành theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 7. Tài liệu phục vụ tính toán khung giá bán buôn điện

1. Thuyết minh cơ sở xây dựng khung giá bán buôn điện năm *N*.

2. Thuyết minh và các bảng tính khung giá bán buôn điện năm *N,* gồm:

a) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất điện năng, tình hình thực hiện doanh thu, các chi phí năm *N-1*, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu đến thời điểm ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày 30 tháng 9 trong trường hợp chưa có số liệu thời điểm 31 tháng 12) năm *N-1*.

b) Thuyết minh và tính toán các thành phần chi phí, lợi nhuận của Tổng công ty Điện lực i, gồm:

- Bảng tổng hợp chi phí phân phối - bán lẻ điện của Tổng công ty Điện lực.

- Bảng tính khấu hao tài sản cố định hiện hữu năm *N* gồm: tổng hợp giá trị khấu hao cơ bản của các tài sản cố định có trên sổ sách đến ngày 31 tháng 12 năm *N-1*; Nguyên giá tài sản cố định tăng mới năm *N* và khấu hao dự kiến của tài sản cố định tăng mới năm *N*; Dự kiến tài sản cố định tăng mới năm N theo danh mục các công trình đóng điện (trong đó có số liệu về tổng mức đầu tư, tạm tăng tài sản, thời gian đóng điện dự kiến, chi phí khấu hao dự kiến trích cho năm *N*).

- Bảng tính lãi vay kế hoạch năm *N* theo các hợp đồng tín dụng.

- Bảng tính ước chi phí chênh lệch tỷ giá năm *N*.

- Bảng tổng hợp về biến động số lao động cho hoạt động phân phối - bán lẻ điện năm *N-1*, kế hoạch lao động bình quân cho hoạt động phân phối - bán lẻ điện năm *N* và kế hoạch chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho hoạt động phân phối - bán lẻ điện dự kiến cho năm *N*.

- Bảng dự kiến kế hoạch chi phí, doanh thu tại các khu vực chưa nối lưới điện quốc gia (nếu có).

- Bảng số liệu dự kiến chi phí mua điện mặt trời mái nhà năm *N*.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày 30 tháng 9 trong trường hợp chưa có số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12) năm *N-1* (đồng).

c) Thuyết minh và tính toán chi phí sửa chữa lớn, chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, chi phí phát triển khách hàng, chi phí chăm sóc khách hàng và truyền thông, chi phí công tơ.

d) Thuyết minh và bảng tính toán chi phí mua điện từ thị trường điện của Tổng công ty Điện lực i của năm *N*, bao gồm:

- Thuyết minh về các thông số đầu vào tính toán mô phỏng chi phí mua điện từ thị trường điện, gồm: Phụ tải dự báo năm *N*; các số liệu chung của thị trường điện năm *N*: giá điện năng thị trường, giá công suất thị trường, hệ số quy đổi theo tổn thất điện năng; các số liệu của các nhà máy điện được phân bổ hợp đồng và các nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp với Tổng công ty Điện lực trong năm *N*: giá hợp đồng, sản lượng hợp đồng, sản lượng kế hoạch;

- Bảng tính toán chi phí mua điện từ thị trường điện của Tổng công ty Điện lực i trong năm *N*.

đ) Thuyết minh và bảng tính các khoản thuế, phí của các nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp với Tổng công ty Điện lực trong năm *N*, bao gồm:

- Thuyết minh về các chi phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải làm mát, thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, dịch vụ môi trường rừng, các chí liên quan khác;

- Bảng tính toán phân bổ các khoản thuế, phí của các nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp với Tổng công ty Điện lực trong năm *N*.

3. Các tài liệu kèm theo, gồm:

a) Báo cáo tài chính năm *N-2* đã được kiểm toán do Cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thuyết minh;

b) Định mức các thành phần chi phí sử dụng trong hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Tài liệu phục vụ tính toán khung giá bán buôn điện điều chỉnh

1. Tờ trình về việc xây dựng khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm *N*.

2. Thuyết minh và các bảng tính khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm *N,* gồm:

a) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất điện năng, tình hình thực hiện doanh thu, các chi phí, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu ước thực hiện năm *N*;

b) Thuyết minh và bảng tính các thành phần chi phí, lợi nhuận của Tổng công ty Điện lực trong khung giá bán buôn điện điều chỉnh theo các hạng mục quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư này;

c) Các tài liệu, văn bản chứng minh.

Chương III
HỢP ĐỒNG MUA BUÔN ĐIỆN

Điều 9. Hợp đồng mua buôn điện mẫu

1. Hợp đồng mua buôn điện mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này là cơ sở cho Bên bán và Bên mua đàm phán ký kết. Bên bán và Bên mua có quyền thỏa thuận, thống nhất bổ sung các điều khoản được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua buôn điện mẫu phù hợp quy định pháp luật.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực thực hiện việc kiểm tra hợp đồng mua buôn điện sau khi kết thúc đàm phán và ký tắt hợp đồng mua buôn điện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định khung giá bán buôn điện hằng năm và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt; kiểm tra hợp đồng mua buôn điện.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm tính toán, báo cáo khung giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho các Tổng công ty Điện lực hàng năm, chỉ đạo Tổng công ty Điện lực thực hiện lập bộ số liệu xây dựng khung giá bán buôn điện theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm lập bộ số liệu xây dựng khung giá bán buôn điện hàng năm trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam để báo cáo Cục Điều tiết điện lực theo quy định tại Thông tư này.

4. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tính toán mô phỏng chi phí mua điện của các Tổng công ty Điện lực từ thị trường điện để phục vụ tính toán khung giá bán buôn điện.

5. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh khung giá bán buôn điện bình quân phù hợp với biến động chi phí sản xuất kinh doanh điện, chi phí mua điện từ thị trường điện, chi phí mua điện từ các nhà máy ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với Tổng công ty Điện lực, doanh thu và lợi nhuận định mức của các Tổng công ty Điện lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm tính toán, báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

6. Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm đàm phán hợp đồng mua buôn điện theo quy định tại Thông tư này, đảm bảo tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của số liệu, tài liệu cung cấp; thống nhất để báo cáo Cục Điều tiết điện lực kiểm tra hợp đồng mua bán điện theo quy định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Thanh Hoài

Phụ lục

HỢP ĐỒNG MUA BUÔN ĐIỆN MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BUÔN ĐIỆN

Giữa

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN)

(Bên A)

Và

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC.....

(Bên B)

HỢP ĐỒNG SỐ:...../20..../HĐ-EVN-EVN.....

***(Địa danh)**, ngày... tháng... năm 20...*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BUÔN ĐIỆN

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số.../.../TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp lập khung giá bán buôn điện;

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện và khả năng cung cấp điện của Bên bán điện;

Hôm nay, ngày... tháng... năm 20.., tại...., chúng tôi gồm:

BÊN BÁN ĐIỆN: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN) - Bên A.

Địa chỉ: Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: _____ Fax:_____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là: _____

Chức vụ: _____

Theo Giấy ủy quyền số /UQ-EVN, ngày__tháng__ năm 20__ của Tổng Giám đốc Tập đoàn điện lực Việt Nam.

BÊN MUA ĐIỆN: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC..... - Bên B

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax:_____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là: _____

Chức vụ: _____

Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện với các nội dung sau:

Điều 1. Định nghĩa

Các định nghĩa quy định trong hợp đồng này bao gồm:

1. Điểm giao, nhận điện:...

2. Vị trí đo đếm:...

3. Thiết bị đo đếm điện:...

4. Hệ thống đo đếm:...

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 2. Hiệu lực và thời hạn Hợp đồng

1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng, Hợp đồng này có thời hạn... năm bắt đầu từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được thực hiện bằng cách ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và là một bộ phận không tách rời với Hợp đồng này.

3. Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày.....

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 3. Mua bán điện năng

1. Bên B đồng ý mua điện năng thông qua các vị trí đo đếm và hệ thống đo đếm ranh giới giao nhận điện giữa Bên A và Bên B theo danh sách điểm đo đếm giao nhận điện.

2. Sản lượng điện mua bán giữa hai Bên:

Sản lượng điện mua bán giữa hai Bên xác định trên cơ sở kết quả đo đếm của công tơ tại một hoặc nhiều điểm đo giao nhận.

3. Chất lượng điện năng:

Các Bên thống nhất hoạt động mua bán điện năng theo Hợp đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng theo quy định của Pháp luật.

4. Giá mua bán điện:...

5. Tiền mua bán điện: Tiền điện bên B thanh toán cho bên A trong kỳ thanh toán được xác định theo Phụ lục II của Hợp đồng.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1. Quyền của Bên A

a) Yêu cầu Bên B thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

b) Yêu cầu Bên B ký bổ sung phụ lục hợp đồng khi nhu cầu cung cấp điện thay đổi; Yêu cầu Bên B thống nhất các thay đổi nội dung hợp đồng liên quan đến quyền nghĩa vụ và điều khoản thực hiện hợp đồng khi có sự thay đổi Pháp luật hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng khi hợp đồng hết hiệu lực;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Chịu trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

b) Có trách nhiệm phối hợp với Bên B ghi nhận đầy đủ chỉ số, sản lượng của các điểm giao nhận điện tại Danh sách điểm đo đếm và đưa vào Biên bản quyết toán điện năng tháng;

c) Các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

1. Quyền của Bên B

a) Yêu cầu Bên A thực hiện các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng;

b) Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi chủ quan của Bên A gây ra theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Bên A đảm bảo tính tin cậy, chính xác của hệ thống đo đếm; kiểm tra lại số tiền điện phải thanh toán sau khi Bên A thông báo; kiểm tra, phát hiện những hiện tượng bất thường của hệ thống đo đếm điện năng, nguy cơ gây mất điện, mất an toàn cho người, thiết bị đo đếm và tài sản;

d) Yêu cầu Bên A ký lại hoặc ký bổ sung hợp đồng khi có thay đổi nhu cầu cung cấp điện hoặc hợp đồng đã hết hiệu lực hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Chịu trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

b) Có trách nhiệm phối hợp với Bên A ghi nhận đầy đủ chỉ số, sản lượng của các điểm giao nhận điện với Bên B và đưa vào Biên bản quyết toán điện năng tháng kể từ thời điểm hệ thống đo đếm được các Bên ký kết nghiệm thu tĩnh;

c) Các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 6. Hệ thống đo đếm và thu thập số liệu đo đếm

Hệ thống đo đếm được thỏa thuận, lắp đặt, nghiệm thu, theo dõi vận hành và kiểm định định kỳ theo quy định quản lý đo đếm ranh giới giao nhận điện giữa EVN và các đơn vị thành viên.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 7. Quyết toán điện năng tháng

1. Cập nhật, kiểm tra, đối soát số liệu và điện năng.

2. Quyết toán điện năng tháng M.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 8. Lập hóa đơn và thanh toán

1. Lập hóa đơn tiền điện.

Hóa đơn thanh toán được lập theo quy định pháp luật về hóa đơn.

2. Thanh toán tiền điện.

3. Hình thức thanh toán tiền điện.

4. Thời hạn thanh toán.

5. Xác định tiền lãi chậm trả.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 9. Vi phạm hợp đồng

1. Các hành vi vi phạm của Bên A.

2. Các hành vi vi phạm của Bên B.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 10. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm khi có những hành vi vi phạm Hợp đồng. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp đồng và quy định của Pháp luật.

2. Khi có bất cứ hành vi vi phạm nghĩa vụ nào, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng đối với hành vi vi phạm đó.

3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp luật.

4. Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 11. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng.

2. Trách nhiệm của các bên khi xảy ra bất khả kháng.

3. Thông báo và khắc phục sự kiện bất khả kháng.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của EVN và của pháp luật.

2. Trong thời gian chờ giải quyết tranh chấp, Bên B vẫn phải thanh toán tiền điện.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 13. Giai đoạn chuyển tiếp thị trường điện cạnh tranh

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh, các Bên sẽ tiến hành đàm phán, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này cho phù hợp với các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp này, Hai bên không được coi là có lỗi do vi phạm các nghĩa vụ Hợp đồng.

[Các bên đàm phán thống nhất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật]

Điều 14. Đại diện có thẩm quyền và trao đổi thông tin

1. Đại diện có thẩm quyền

Đại diện có thẩm quyền của Bên bán và Bên mua trong Hợp đồng là:

Bên bán:	Bên mua:
_____	_____
_____	_____

2. Trao đổi thông tin

a) Các thông báo, hóa đơn hoặc các trao đổi thông tin cần thiết khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được lập thành văn bản, nêu rõ ngày lập, sự liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi theo các địa chỉ sau:

Bên bán: _____

_____

Bên mua: _____

_____

b) Thông báo, hóa đơn hoặc các trao đổi thông tin khác được gửi theo các hình thức quy định tại điểm a khoản này được xem là đã được giao và nhận tại thời điểm:

(i) Khi giao, trong trường hợp giao tận tay;

(ii) Khi ký nhận thư bảo đảm, trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm;

(iii) Tại thời điểm thực tế nhận được fax, trong trường hợp truyền bằng fax, với điều kiện là người gửi đã nhận được xác nhận việc truyền không bị lỗi;

(iv) Tại thời điểm văn thư của cơ quan xác nhận công văn đến, trong trường hợp gửi bằng thư thường.

Hợp đồng này được lập thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ... bản. Bên mua có trách nhiệm gửi 01 (một) bản tới Cục Điều tiết điện lực./.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Chức danh)	*(Chức danh)*
(Đóng dấu và chữ ký)	*(Đóng dấu và chữ ký)*
(Họ tên đầy đủ)	*(Họ tên đầy đủ)*

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM ĐO VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN ĐIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số.../20.../HĐ-EVN-EVN... ngày..... tháng..... năm 20...)

PHỤ LỤC 2
TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN
(Kèm theo Hợp đồng số.../20.../HĐ-EVN-EVN... ngày..... tháng..... năm 20...)

PHỤ LỤC 3
BẢNG TỔNG HỢP TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN THÁNG
(Kèm theo Hợp đồng số.../20.../HĐ-EVN-EVN... ngày..... tháng..... năm 20...)